

Số: **62** /QĐ-THPT TP

Hà Nội, ngày **27** tháng 06 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

#### Về việc thực hiện công khai thường niên đối với cơ sở giáo dục phổ thông của Trường THPT Tiên Phong

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025; thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung, thông tin về chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024-2025 và kết quả tài chính năm 2024 của Trường THPT Tiên Phong.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên năm học 2024-2025; thông tin về cơ sở vật chất, tài liệu học tập sử dụng chung, thông tin về chất lượng giáo dục thực tế năm học 2024-2025 và kết quả tài chính năm 2024 của Trường THPT Tiên Phong.

(Kèm theo báo cáo thường niên năm 2024)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận tài vụ và các bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ phận tài vụ;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Quốc Nam

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

( Kèm theo QĐ số 62/QĐ-THPT TP ngày 27/06/2025)

Thực hiện công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Trường THPT Tiên Phong công khai các nội dung như sau:

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Trung học phổ thông Tiên Phong
- Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Trung hậu, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Email: [c3tienphong@hanoiedu.vn](mailto:c3tienphong@hanoiedu.vn).

Cổng thông tin điện tử: <https://thpttienphong.edu.vn>

- Loại hình của cơ sở giáo dục

Loại hình cơ sở giáo dục: giáo dục đào tạo

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội

- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Thông tin người đại diện pháp luật:

Đại diện pháp luật: Nguyễn Quốc Nam

Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Thôn Trung hậu, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0969725888

Địa chỉ email: [namnqedu@gmail.com](mailto:namnqedu@gmail.com)



7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập: Quyết định thành lập trường số:1713/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc ngày 02/06/2008 về việc thành lập Trường THPT Tiên Phong huyện Mê Linh, Tỉnh Vĩnh Phúc

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

Quyết định số: 1464/QĐ-SGDĐT ngày 20/09/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc công nhận Hội đồng trường THPT Tiên Phong nhiệm kì 2022-2027;

Danh sách thành viên Hội đồng trường bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Nam	- Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng
Bà Nguyễn Thị Thanh Thuý	- Chủ tịch Công đoàn
Bà Vũ Thị Thu Hương	- Bí thư ĐTNCS HCM
Ông Nguyễn Thành Biên	- Tổ trưởng tổ Toán – Tin
Bà Đặng Thị Phương Lan	- Tổ trưởng tổ Ngữ Văn
Bà Hoàng Thị Duyên	- Tổ trưởng tổ Ngoại ngữ
Bà Trần Thị Phúc	- Tổ trưởng tổ KHXH
Bà Nguyễn Thị Đào	- Đại diện tổ Văn Phòng
Ông Nguyễn Văn Hậu	- Trưởng phòng GDĐT huyện Mê Linh - Đại diện chính quyền địa phương
Bà Trần Thị Bích Loan	- Trưởng ban Đại diện CMHS
Em Trương Hương Giang	- Đại diện học sinh

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng:

Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 03/07/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Nam giữ chức vụ Hiệu trưởng trường THPT Tiên Phong nhiệm kì 05 năm kể từ ngày kí quyết định;

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục:

8. Các văn bản khác:

- Quy chế dân chủ, Kế hoạch của nhà trường, Nghị quyết hội đồng trường, Phân công nhiệm vụ, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản.

## II. THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và NV	71		22	43			2	4	42	20		3		64	4
I	Giáo viên Trong đó số GV dạy môn:	59		19	40					40	17				59	
1	Ngữ Văn	9		3	6					7	2				9	
2	Toán học	10		5	5					3	7				10	
3	Ngoại ngữ	7		1	6					6	1				7	
4	Thể dục	4			4					3	1				4	
5	GDQP-AN	2			2					2					2	
6	Lịch Sử	3			3					3					3	
7	Địa lý	3			3					3					3	
8	GDCD	2			2					2					2	
9	Vật Lý	5		5						2	3				5	
10	Hóa học	4		2	2					4					4	
11	Sinh học	2			2					2					2	
12	Công nghệ	4		1	3					3	1				4	

	(KTCN+KTNN)												
13	Tin học	3	2	1			1	2				3	
14	Âm nhạc	1		1			1					1	
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	<b>3</b>	<b>3</b>					<b>3</b>		<b>3</b>			
1	Hiệu trưởng	1	1					1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2	2					2		2			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>	<b>9</b>		<b>3</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>2</b>					<b>5</b>	
1	NV văn thư	1			1							1	
2	NV kế toán	1		1								1	
3	Thủ quỹ												
4	Nhân viên y tế												
5	Nhân viên thư viện	1			1							1	
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2		2				2				2	
7	NV hỗ trợ giáo dục người KT												
8	Nhân viên công nghệ thông tin												
9	NV phục vụ												
10	NV bảo vệ	4					4						

### III. THÔNG TIN CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI LIỆU HỌC TẬP SỬ DỤNG CHUNG

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
<b>I</b>	<b>Số phòng học</b>	16	Số m <sup>2</sup> /học sinh
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		
1	Phòng học kiên cố	16	1.2
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn		1.7
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)		
7	Bình quân lớp/phòng học	1.24	-
8	Bình quân học sinh/lớp	45	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	01	-
<b>IV</b>	<b>Tổng số diện tích đất (m<sup>2</sup>)</b>	10.509,	16.75
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m<sup>2</sup>)</b>	2.500	1.322
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích các phòng</b>		
1	Diện tích phòng học (m <sup>2</sup> )	54	1.2
2	Diện tích phòng học bộ môn (m <sup>2</sup> )	90	2
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m <sup>2</sup> )	30	0.6
3	Diện tích thư viện (m <sup>2</sup> )	50	0.08
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m <sup>2</sup> )		
5	Diện tích phòng khác (...)(m <sup>2</sup> )	27	0.25
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu</b> (Đơn vị tính: bộ)	<b>6</b>	Số bộ/lớp

1	Khối lớp 10	2	0.2
2	Khối lớp 11	2	0.2
3	Khối lớp 12	2	0.2
4	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		
5	.....		
<b>VIII</b>	<b>Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)</b>	99	Số học sinh/bộ 14

<b>IX</b>	<b>Tổng số thiết bị đang sử dụng</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Số thiết bị/lớp</b>
1	Ti vi	16	0.2
2	Cát xét	0	0
3	Đầu Video/đầu đĩa	5	0.2
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	1
5	Thiết bị khác...		

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng (m<sup>2</sup>)</b>
<b>X</b>	<b>Nhà bếp</b>	<b>0</b>
<b>XI</b>	<b>Nhà ăn</b>	<b>0</b>

	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng phòng, tổng diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Số chỗ</b>	<b>Diện tích bình quân/chỗ</b>
<b>XII</b>	<b>Phòng nghỉ cho học sinh bán trú</b>	0	0	0
<b>XIII</b>	<b>Khu nội trú</b>	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/ Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		8/8		0.22
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*	0	0	0	0	0

(\*Theo Quyết định số 32/2020/QĐ-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và Quyết định số 08/2005/QĐ-BYT ngày 11/3/2005 của Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn vệ sinh đối với các loại nhà tiêu)

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Hàng rào		X

#### IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường hoàn thành cuối năm 2024, kế hoạch cải tiến sau đánh giá

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của trường cuối năm 2025, kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.

#### V. THÔNG TIN VỀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch tuyển sinh, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin có liên quan: Thực hiện đúng theo quy định.

2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường hàng năm đầy đủ.

3. Quy chế phối hợp giữa nhà trường với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

4. Các chương trình hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh

## VI. THÔNG TIN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỰC TẾ NĂM HỌC 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
<b>I</b>	<b>Số học sinh chia theo hạnh kiểm</b>					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	93.79 (%)	93.69 (%)	91.65 (%)	96.01 (%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5.05 (%)	4.48 (%)	7.22 (%)	3.55 (%)	
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	1.16 (%)	1.83 (%)	1.13 (%)	0.44 (%)	
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
<b>II</b>	<b>Số học sinh chia theo học lực</b>					
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	36.82 (%)	21.97 (%)	32.05 (%)	57.87 (%)	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	54.95 (%)	62.73 (%)	59.82 (%)	41.69 (%)	
3	Trung bình( đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	7.94 (%)	14.87 (%)	7.9 (%)	0.44 (%)	
4	Yếu ( Chưa đạt)(tỷ lệ so với tổng số)	0.29 (%)	0.61 (%)	0.23 (%)	0	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	
<b>III</b>	<b>Tổng hợp kết quả cuối năm</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	21.97 (%)	32.05 (%)	57.87 (%)	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	62.73 (%)	59.82 (%)	41.69 (%)	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		(%)	(%)	0	

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	(%)	0	(%)	0	
4	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	
5	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Tình hình tài chính năm 2024

#### a) Các khoản thu:

- Ngân sách: + Chi thường xuyên: 12.605.999.000 đồng  
+ Chi không thường xuyên: 442.100.000 đồng.

- Học phí: 599.165.000 đồng

- Cấp bù học phí theo nghị định 81/2021/NĐ-CP: 4.820.000 đồng

#### b) Các khoản chi:

- Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản có tính chất như lương: 12.122.000.000 đồng

- Chi các cơ sở vật chất và dịch vụ: 419.000.000 đồng

- Chi chuyên môn nghiệp vụ: 158.000.000 đồng

- Chi khác: 0 đồng

### 2. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

#### Học kỳ II năm học 2023-2024:

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Trường THPT Tiên Phong quyết định về việc miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2023-2024 như sau:

Miễn cho 06 em là đối tượng học sinh khuyết tật và hộ nghèo;

Giảm 50% học phí cho 6 em học sinh thuộc hộ cận nghèo; học sinh có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động

+ Về trợ cấp: Quyết định số 47/QĐ-THPTTP ngày 12 tháng 05 năm 2024 của trường THPT Tiên Phong, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ 2 năm học 2023-2024 cho 05 em học sinh khuyết tật, 01 em học sinh thuộc hộ nghèo.

- Học kỳ I năm học 2024-2025

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Trường THPT Tiền Phong quyết định về việc miễn, giảm học phí học kỳ I năm học 2024-2025 cho các em học sinh như sau

Miễn cho 06 em là đối tượng học sinh khuyết tật và hộ nghèo;

Giảm 50% học phí cho 11 em học sinh thuộc hộ cận nghèo; học sinh có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động

+ Về trợ cấp: Quyết định số 170/QĐ-THPTTP ngày 08 tháng 11 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường THPT Tiền Phong, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2024-2025 cho 05 học sinh khuyết tật và 01 học sinh hộ nghèo

- Học kỳ II năm học 2024-2025

+ Về chế độ miễn giảm học phí: Quyết định số 47/QĐ-THPT TP ngày 12 tháng 05 năm 2025 của Hiệu trưởng trường THPT Tiền Phong miễn, giảm học phí học kỳ II năm học 2024-2025 cho các em học sinh như sau

Miễn cho 05 học sinh khuyết tật;

Giảm 50% học phí cho 08 em học sinh (Học sinh thuộc hộ cận nghèo; học sinh có cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động)

+ Về trợ cấp: Quyết định số 157/QĐ-THPT TP ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường THPT Tiền Phong, nhà trường đã hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2024-2025 cho 04 học sinh khuyết tật.

3. Số dư các quỹ theo quy định (Tính đến 31/12/2024)

- Các quỹ đã trích lập: 479.064.608 đồng

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Quốc Nam